

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 166 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: S
	Ngày: 23/1

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTN, KTTH, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).*XH LP*



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ-TTg
ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU

Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi là Kế hoạch) xác định nhóm các nhiệm vụ để triển khai các nội dung, biện pháp và giải pháp của Chiến lược; làm cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm đạt được các chỉ tiêu của Chiến lược.

II. NỘI DUNG

1. Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực ô nhiễm môi trường

- Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hạn chế, hướng tới loại bỏ các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; dần hạn chế, tiến tới không cấp phép đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với các loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt tại các khu vực tập trung dân cư, các lưu vực sông, khu vực nhạy cảm, vùng ưu tiên cần phải bảo vệ; chú trọng phát triển các ngành kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

- Xây dựng tiêu chí và tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân hạng định kỳ hàng năm các ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo mức độ thân thiện với môi trường; hàng năm công bố công khai để có sự điều chỉnh chính sách và quy hoạch phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương theo hướng ưu tiên phát triển các ngành kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

- Ban hành bộ tiêu chí môi trường trong các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực để thực hiện lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững.

- Nghiên cứu, thử nghiệm, thực hiện phân vùng chức năng theo các hệ sinh thái phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng làm rõ các khu vực ưu tiên cần được bảo vệ, khu vực hạn chế hoặc cấm phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản nhằm đảm bảo sự hài hoà giữa mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện nghiêm công tác hậu kiểm; không phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường vào sử dụng.

- Tổ chức thực hiện Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; từng bước xây dựng, hình thành thói quen tiêu dùng thân thiện môi trường; mở rộng và tiếp tục thực hiện việc dán nhãn sinh thái cho một số loại hình sản phẩm dịch vụ.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012 - 2015 ban hành theo Quyết định số 1427/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020.

- Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường năng lực kiểm soát hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, hoạt động vận chuyển chất thải xuyên biên giới đến năm 2020; xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý xuất nhập khẩu và lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong kiểm tra, giám sát việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; chấm dứt tình trạng nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc vận chuyển chất thải qua biên giới không đúng quy định.

- Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường năng lực chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó sự cố môi trường, đặc biệt là sự cố tràn dầu, hoá chất, phóng xạ, hạt nhân và thiên tai bão lũ, động đất, nước biển dâng giai đoạn đến năm 2020; thực hiện nghiêm chế độ đăng ký hoạt động hoá chất, đặc biệt là hoá chất độc hại, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động vận chuyển, sử dụng máy móc, thiết bị có liên quan đến hoá chất, chất phóng xạ; đẩy nhanh tiến độ bổ sung, hoàn thiện, đưa vào áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các yêu cầu về an toàn hoá chất, an toàn phóng xạ, hạt nhân kết hợp với việc thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

- Ban hành chính sách ưu đãi các mô hình khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, cơ sở sản xuất, chế biến, trang trại chăn nuôi, kho, bãi, chợ thân thiện với môi trường.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 50/2013/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ; xây dựng khung pháp lý về tái chế, tái sử dụng chất thải, thực hiện thu gom, phân loại rác thải tại nguồn theo hướng chuyên môn hóa, phát triển ngành công nghiệp tái chế thân thiện với môi trường, chú trọng hình thành thị trường chất thải có thể tái chế, tái sử dụng.

2. Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm

- Tăng dần kinh phí hàng năm nhằm đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động, các dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ban hành chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000; các quy định về hướng dẫn sử dụng hạn ngạch phát thải và hình thành thị trường chuyển nhượng hạn ngạch phát thải; quy định về kiểm toán chất thải và đánh giá vòng đời sản phẩm.

- Triển khai Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; nghiên cứu, đưa công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường vào làng nghề; phát triển các mô hình sản xuất sử dụng khí sinh học từ chất thải chăn nuôi.

- Xây dựng và triển khai Đề án tổng thể bảo vệ môi trường khu vực nông thôn đến năm 2020, trong đó tập trung quản lý chặt chẽ các nguồn thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; tiêu huỷ gia súc, gia cầm bị dịch bệnh theo đúng yêu cầu quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác, từng bước giảm thiểu sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật, phân bón hoá học; tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng các loại hoá chất bảo vệ thực vật, phân bón hoá học trong sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012 - 2015 theo Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải theo Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố theo Quyết định số 909/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tăng cường quản lý nguồn thải dầu mỡ và sự cố tràn dầu trong hoạt động giao thông đường thủy.

- Hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá cho vận hành hệ thống xử lý chất thải, trước mắt tập trung vào một số loại hình hoạt động sau: Hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn y tế nguy hại; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải làng nghề; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung; hệ thống xử lý nước rỉ rác tại công trình xử lý rác thải tập trung.

3. Cải tạo, phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm

- Hoàn thiện và ban hành tiêu chí xác định, phân loại các khu vực bị ô nhiễm môi trường.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2012.

- Xây dựng và triển khai Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xác định ranh giới diện tích các hồ, kênh mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư và tiến hành kè bờ, chắm dứt tình trạng lấn chiếm, san lấp trái phép; hạn chế, tiến tới không cho phép thực hiện các dự án san lấp hoặc có hạng mục san lấp làm thu hẹp diện tích mặt nước.

- Xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư về cải tạo, phục hồi môi trường hồ, ao, kênh mương và các đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư để hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ODA hoặc từ ngân sách nhà nước, trong đó chú trọng gắn quy hoạch chỉnh trang đô thị với việc nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa và xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Mê Kông; triển khai Đề án bảo vệ môi trường các lưu vực sông (sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, lưu vực hệ thống sông Đồng Nai) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục cơ bản hậu quả chất độc hoá học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 651/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng mô hình công nghệ xử lý ô nhiễm tồn lưu, phục hồi môi trường tại các ao, hồ, kênh, muông, đoạn sông trong đô thị, các vùng bị tồn lưu hoá chất bảo vệ thực vật, nhiễm độc dioxin.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả quy định về ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, đảm bảo số kinh phí thực hiện ký quỹ phải đủ để phục hồi và cải tạo môi trường sau khai thác; ban hành quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án khai thác khoáng sản trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khoẻ nhân dân tại các địa phương nơi khai thác khoáng sản.

- Xây dựng và ban hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đất; cơ chế lồng ghép chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường tại các vùng đất bị ô nhiễm tồn lưu vào giá đất để huy động tối đa nguồn lực từ xã hội cho việc khắc phục, cải tạo ô nhiễm môi trường; chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm không sử dụng ngân sách nhà nước.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều tra, đánh giá xây dựng bản đồ ô nhiễm nước ngầm trên phạm vi toàn quốc, xây dựng Kế hoạch cải tạo, phục hồi chất lượng nước ngầm.

4. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường

- Xây dựng, thực hiện các dự án đầu tư về nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới các công trình cung cấp nước sạch khu vực nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư thu gom, xử lý rác thải, hệ thống tiêu thoát nước, nghĩa trang, ao hồ sinh thái khu vực nông thôn.

- Quy hoạch, lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại IV trở lên; dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có tại các đô thị.

- Xây dựng và triển khai dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống các trạm quan trắc môi trường quốc gia, hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động, môi trường không khí tại các đô thị lớn, nước mặt tại các lưu vực sông chính.

- Xây dựng và triển khai dự án đầu tư công trình xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất.

- Xây dựng và triển khai dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, đầu tư mới các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh, khu xử lý liên vùng, liên tỉnh theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025.

- Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng trung tâm xử lý chất thải nguy hại tại 04 vùng kinh tế trọng điểm, trước mắt ưu tiên triển khai tại khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long; trong giai đoạn đến năm 2020 tiếp tục xây dựng và hoàn thành đưa vào hoạt động các dự án đầu tư xây dựng trung tâm xử lý chất thải nguy hại tại 02 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Trung Bộ.

- Xây dựng và triển khai các dự án đầu tư theo Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 798/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2011.

- Đầu tư, xây dựng các công trình cảnh báo sự cố tràn dầu, sự cố hoá chất và sự cố thiên tai bão lũ, động đất với độ chính xác cao bằng công nghệ hiện đại.

5. Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

- Triển khai thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn kết hợp với thực hiện biện pháp ngăn chặn tình trạng chặt phá, khai thác rừng trái phép.

- Xây dựng và triển khai các dự án điều tra, đánh giá và thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng khai thác trái phép, xâm phạm hoặc làm giảm chất lượng, làm nghèo rừng nguyên sinh; thực hiện các biện pháp cải thiện khả năng chống chịu của các khu rừng tự nhiên trước tác động của biến đổi khí hậu.

- Ban hành và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định hạn chế tối đa các trường hợp được phép chuyển đổi đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, đất trồng lúa sang các mục đích sử dụng khác; cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình làng kinh tế sinh thái trên các vùng đất thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa nhằm cải tạo chất lượng đất, thu hẹp quy mô và mức độ thoái hóa, bạc màu.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các dự án sân golf, thủy điện, khai thác khoáng sản để khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng.

- Ban hành các quy định về lồng ghép nội dung sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch tìm kiếm và khai thác tài nguyên nước; tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, chú trọng kiểm soát ô nhiễm các lưu vực sông và nguồn nước xuyên biên giới.

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên và xử lý nghiêm các cơ sở khai thác nước mặt, nước ngầm có hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt vào mùa khô; nghiên cứu, tổ chức áp dụng thí điểm việc cấp hạn ngạch trong khai thác nước mặt, nước ngầm cho từng khu vực; rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; ban hành hướng dẫn và triển khai quy hoạch phát triển cây công nghiệp phù hợp với khả năng cung ứng nguồn nước mặt, nước ngầm của từng khu vực.

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020. Nghiên cứu, áp dụng thí điểm và từng bước nhân rộng cơ chế đồng quản lý nguồn lợi thủy sản, áp dụng chứng chỉ sinh thái, tiếp cận các cơ chế thị trường khác trong khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế tài nguyên nhằm sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Ban hành và thực hiện hướng dẫn về lồng ghép vấn đề bảo vệ môi trường với quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

6. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đa dạng sinh học và các luật khác có liên quan.

- Tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013.

- Xây dựng và hướng dẫn triển khai Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và định hướng đến 2030.

- Tổ chức đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học theo các tiêu chí để xác lập khu bảo tồn thiên nhiên được quy định tại Luật đa dạng sinh học và các luật có liên quan.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định đặc thù về kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, tiêu thụ trái phép các loài được ưu tiên bảo vệ, cấm, hạn chế khai thác ngoài tự nhiên theo hướng tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tăng các chế tài xử lý các hành vi vi phạm.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1869/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại đến năm 2020, trong đó chú trọng tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên môn về đa dạng sinh học, kiểm dịch, đặc biệt ở cấp tỉnh.

7. Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính

- Đẩy mạnh triển khai Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012.

- Tổ chức điều tra, tổng kết các mô hình, kinh nghiệm tốt về ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam và một số nước trên thế giới; xây dựng, tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, cán bộ lập kế hoạch, cán bộ chuyên trách và các thành phần xã hội về biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, ban hành hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển; rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực cho phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, tính toán tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và thực hiện các biện pháp ứng phó tại các vùng ven biển, hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình nâng cao năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trực tiếp, dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu.

- Rà soát, bổ sung các quy định, hướng dẫn về kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án về cơ chế phát triển sạch.

8. Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam theo hướng tăng thời lượng và đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào nội dung giáo dục môi trường trong các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo quốc gia; mở rộng các chuyên ngành đào tạo về môi trường, trong đó ưu tiên đào tạo các chuyên ngành có nhu cầu lớn trong xã hội; xây dựng bộ tài liệu, giáo trình truyền thông môi trường phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

- Xây dựng và ban hành Bộ tiêu chí môi trường lồng ghép trong công tác thi đua, khen thưởng của các Bộ, ngành, các địa phương.

- Đẩy mạnh tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

9. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường

- Thường xuyên tiến hành pháp điển hóa hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, đặc biệt những chồng chéo, bất cập của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường với các hệ thống pháp luật chuyên ngành khác có liên quan; hoàn thiện các quy định của pháp luật về không khí sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái chế chất thải, phát triển kinh tế cacbon thấp; cơ chế giải quyết tranh chấp, bồi thường thiệt hại về môi trường; xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi); xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi) sau khi được ban hành.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phối hợp ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về tội phạm môi trường trong Bộ luật Hình sự để sớm đưa các tội phạm môi trường ra truy tố, xét xử.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách về thuế, phí bảo vệ môi trường lũy tiến đối với chất thải, thực hiện việc thu đúng, thu đủ nhằm bảo đảm đủ kinh phí cho xử lý chất thải và tạo nguồn vốn đầu tư trở lại cho hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước, tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường nhằm xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, vướng mắc, phân tán trong phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước, tập trung đầu mối quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đề xuất mô hình tổ chức mới cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương, trọng tâm là cấp tỉnh, huyện, xã phù hợp hơn với tình hình hiện nay.

- Xây dựng và triển khai Đề án tăng cường năng lực hệ thống thanh tra về bảo vệ môi trường từ Trung ương đến địa phương.

- Nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 72/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường theo hướng phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường với trách nhiệm điều tra, phát hiện tội phạm về môi trường của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

- Hoàn thiện và tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế trong công tác quản lý nhà nước về môi trường; hoàn thiện và đẩy mạnh áp dụng các cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái nhằm tạo nguồn vốn đầu tư duy trì chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái tự nhiên; tăng cường thực thi các chính sách ưu đãi, trợ giá, hỗ trợ về tài chính, tín dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và ở các ngành, các cấp; cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường.

10. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường

- Xây dựng và thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về bảo vệ môi trường giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện Việt Nam, trong đó tập trung vào các giải pháp về chính sách và đổi mới công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam để giảm thải khí nhà kính, thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Xây dựng và thực hiện lộ trình loại bỏ công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị gây ô nhiễm môi trường đang sử dụng trong nước; hoàn thiện các cơ chế chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý ô nhiễm thân thiện với môi trường.

- Ban hành quy định và quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá và phổ biến công nghệ xử lý môi trường đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Đẩy mạnh phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Xây dựng cơ chế, chính sách định hướng phát triển thị trường khoa học công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện môi trường.

11. Phát triển ngành kinh tế môi trường để hỗ trợ các ngành kinh tế khác giải quyết các vấn đề môi trường

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển một số ngành sản xuất, sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải, từng bước hình thành và phát triển ngành kinh tế môi trường ở Việt Nam, trong đó ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực cung ứng sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải kết hợp thực hiện các gói kích cầu, thúc đẩy tiêu dùng các loại sản phẩm này.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới chính sách, pháp luật về phát triển dịch vụ môi trường ở Việt Nam, chú trọng phát triển năng lực cung ứng dịch vụ môi trường, đặc biệt là xử lý, tái chế chất thải và công nghệ, giải pháp xử lý môi trường, đảm bảo hình thành ngành cung ứng dịch vụ môi trường đủ mạnh, đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn.

- Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển dịch vụ môi trường đến năm 2020” và Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025”.

12. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường

- Ưu tiên tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra đối với công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc phòng ngừa là chính; nghiên cứu bổ sung mục chi riêng về đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường thuộc khu vực công ích trong Luật ngân sách nhà nước, trình Chính phủ xem xét.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường; triển khai mạnh mẽ mô hình hợp tác công - tư (PPP).

- Đẩy mạnh vận động tài trợ quốc tế về bảo vệ môi trường nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ phát triển từ các tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước cho bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong việc khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Đổi mới cơ chế cho vay vốn ưu đãi, mở rộng phạm vi hoạt động, loại hình hỗ trợ của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường địa phương, Quỹ bảo vệ môi trường ngành theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tiếp cận; xây dựng cơ chế khuyến khích thành lập các quỹ tài trợ cho các sáng kiến, mô hình dựa vào cộng đồng, các phong trào, hoạt động bảo vệ môi trường vì lợi ích chung của xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào bảo vệ môi trường, góp phần khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, phát triển bền vững đất nước; trước mắt xây dựng chính sách, pháp luật và triển khai thí điểm mô hình xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường đối với các lĩnh vực thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; cấp phép môi trường.

13. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Tổ chức thương mại thế giới (WTO) liên quan đến dịch vụ môi trường.

- Thực hiện tốt các điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam đã tham gia ký kết; chủ động đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế mới về môi trường nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu; ban hành hướng dẫn nội dung bảo vệ môi trường trong đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại song phương, đa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác toàn diện với các nước phát triển trên thế giới và khu vực trong việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Chủ động và tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường; phối hợp xây dựng cơ chế hợp tác với các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết vấn đề môi trường xuyên biên giới: Giảm phát thải các bon; ô nhiễm nguồn nước, không khí; khai thác rừng; đập thủy điện.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được huy động từ các nguồn vốn sau đây:

a) Vốn ngân sách nhà nước bao gồm: Chi sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, sự nghiệp khoa học - công nghệ, vốn ODA;

b) Vốn vay từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường địa phương;

c) Vốn đầu tư từ các doanh nghiệp;

d) Các nguồn tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

đ) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí như sau:

a) Chi sự nghiệp môi trường được bố trí để thực hiện các nhiệm vụ có tính chất thường xuyên theo chức năng quản lý nhà nước; điều tra, khảo sát xây dựng các chương trình, dự án, đề án ưu tiên tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch; triển khai dự án có tính chất xây dựng mô hình, áp dụng thí điểm trước khi triển khai nhân rộng;

b) Chi đầu tư phát triển, vốn ODA được bố trí để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình xử lý môi trường, phục hồi chất lượng môi trường tại các cơ sở công ích thuộc trách nhiệm của Nhà nước;

c) Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ được bố trí để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học - công nghệ, triển khai áp dụng thử nghiệm công nghệ xử lý môi trường, công nghệ phục hồi chất lượng môi trường trước khi công bố khuyến khích áp dụng;

d) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm bố trí vốn hoặc vay vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo vệ môi trường địa phương để thực hiện các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;

đ) Vốn tài trợ được thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ;

e) Việc triển khai chương trình mục tiêu quốc gia, các chiến lược, kế hoạch hành động, đề án khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt được thực hiện theo quy định của chương trình, chiến lược, kế hoạch, đề án đó.

3. Căn cứ nội dung của Kế hoạch và danh mục các chương trình, dự án, đề án ưu tiên, các Bộ, ngành và địa phương lập dự toán kinh phí thực hiện theo cơ cấu nguồn kinh phí nêu trên; tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược được áp dụng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nội dung giám sát, đánh giá dựa trên các căn cứ sau:

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Chiến lược. Dựa trên các chỉ tiêu của Chiến lược, sẽ tiến hành phân bổ chỉ tiêu thực hiện tới từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để làm căn cứ giám sát, đánh giá;

b) Tiến độ xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ ưu tiên;

c) Kết quả triển khai các nội dung của Kế hoạch.

3. Cơ chế giám sát, đánh giá:

a) Việc giám sát, đánh giá được tiến hành định kỳ hàng năm, lồng ghép với quá trình tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác của ngành; kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Kết quả giám sát, đánh giá được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; được sử dụng làm tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng của ngành và địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về nguyên tắc 20 chương trình, kế hoạch, đề án và dự án ưu tiên cấp quốc gia để triển khai, thực hiện các nội dung cơ bản của Kế hoạch (tại Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; chủ trì giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về phân bổ thực hiện các chỉ tiêu của Chiến lược; ban hành hướng dẫn về cơ chế thống kê, tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược;

c) Trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ;

d) Thành lập Văn phòng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính có nhiệm vụ:

a) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nội dung của Kế hoạch;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ:

a) Căn cứ nội dung của Kế hoạch, danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành mình và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược đối với các chỉ tiêu được giao chủ trì tổng hợp;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ:

a) Căn cứ nội dung của Kế hoạch, danh mục các chương trình, đề án, dự án ưu tiên của Kế hoạch, xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu giám sát, đánh giá kết quả bảo vệ môi trường được phân bổ; tổng hợp, báo cáo Bộ, ngành được phân công chủ trì theo dõi để tổng hợp;

c) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ có liên quan để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN
KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 166/QĐ-TTg
ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục các chương trình, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
Nội dung 1: Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực ô nhiễm môi trường				
01	Đề án tăng cường năng lực kiểm soát hoạt động nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, hoạt động vận chuyển chất thải xuyên biên giới đến năm 2020	2014 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Công an, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
02	Đề án tăng cường năng lực chủ động phòng chống thiên tai giai đoạn đến năm 2020	2014 - 2020	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, Bộ Quốc phòng, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
03	Đề án tăng cường năng lực tái chế chất thải, trong đó chú trọng hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp tái chế lớn, hình thành các khu công nghiệp tái chế tập trung	2015 - 2020	Bộ Công Thương	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 2: Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm				
04	Đề án tổng thể bảo vệ môi trường khu vực nông thôn đến năm 2020	2014 - 2020	Bộ NN&PTNT	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan

TT	Danh mục các chương trình, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
05	Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát ô nhiễm không khí đến năm 2020	2014 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Công Thương, Bộ GTVT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
06	Đề án quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường trong các khu đô thị đến năm 2020	2015 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 3: Cải tạo, phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm				
07	Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	2014 - 2020	UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
08	Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016 - 2020	2016 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ NN&PTNT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 4: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường				
09	Dự án đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại IV trở lên	2014 - 2020	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành có liên quan
10	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có, xóa các điểm ngập úng cục bộ tại các đô thị loại III trở lên	2014 - 2020	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành có liên quan

TT	Danh mục các chương trình, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
11	Xây dựng 04 trung tâm xử lý chất thải nguy hại tại 04 vùng kinh tế trọng điểm (Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Bộ và Trung Bộ)	2014 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
12	Dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống mạng lưới các trạm quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn đến năm 2020	2016 - 2020	Bộ TN&MT	Các Bộ, ngành có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
Nội dung 5: Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên				
13	Dự án đầu tư bảo vệ rừng nguyên sinh, cải thiện khả năng chống chịu của các khu rừng tự nhiên trước tác động của biến đổi khí hậu	2014 - 2020	BỘ NN&PTNT	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
14	Dự án bảo vệ, phục hồi năng suất sinh học và khả năng cung cấp nguồn dinh dưỡng, nơi sinh sản của các hệ sinh thái biển	2015 - 2020	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 6: Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường				
15	Chương trình nâng cao năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu	2015 - 2020	BỘ TN&MT	Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 7: Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường				
16	Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường	2014 - 2020	BỘ TN&MT	Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan

TT	Danh mục các chương trình, dự án, đề án	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
Nội dung 8: Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường				
17	Chương trình Khoa học và Công nghệ quốc gia về bảo vệ môi trường giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2016 - 2020	Bộ KH&CN	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 9: Phát triển ngành kinh tế môi trường để hỗ trợ các ngành kinh tế khác giải quyết các vấn đề môi trường, thúc đẩy tăng trưởng, tạo thu nhập và việc làm				
18	Đề án phát triển một số ngành sản xuất, sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, trong đó ưu tiên các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải.	2015 - 2020	Bộ Công Thương	Bộ TN&MT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 10: Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường				
19	Đề án huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường	2014 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan
Nội dung 11: Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường				
20	Kế hoạch thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Tổ chức thương mại thế giới (WTO) liên quan đến dịch vụ môi trường	2014 - 2020	Bộ TN&MT	Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan